

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày: 21 - 01 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng cung cấp
dịch vụ bảo vệ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Công Trí

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLST- KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐXXST- KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST- KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Công ty TNHH B; địa chỉ trụ sở: Số 521/50/6 đường D - Bình Đường, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ liên lạc: Số 14, đường T, khu hành chính D, phường D, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 20/01/2021). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ *Bị đơn:* Công ty TNHH Q; địa chỉ trụ sở: Số 339 đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Thu V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 221 đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

Giữa Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q) có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11/2019/HĐBV/BTL ngày 26/8/2019, địa điểm được bảo vệ là Công ty hóa nhựa Quốc Tế P & C có trụ sở tại đường DH 409, ấp 6, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; thời hạn hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký, phí dịch vụ bảo vệ là 15.000.000 đồng/tháng, phương thức thanh toán thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn từ Công ty B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Q thường xuyên thanh toán phí dịch vụ chậm và không đúng quy định về thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mặc dù ngày 26/8/2020 các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng nhưng đến nay Công ty Q vẫn không chịu thanh toán phí dịch vụ bảo vệ còn nợ. Nay Công ty B yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ tháng 07/2020 và 26 ngày phí dịch vụ bảo vệ của tháng 08/2020 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền phải thanh toán là 28.000.000 đồng.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ với bị đơn là Công ty Q có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán dịch vụ còn nợ của tháng 7/2020 và 26 ngày của tháng 8/2020 là 28.000.000 đồng;

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 26/8/2019 Công ty B và Công ty Q có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11/2019/HĐBV/BTL, việc thỏa thuận thực hiện dịch vụ giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật thương mại nên Hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 7 của Hợp đồng thể hiện bị đơn có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cho nguyên đơn chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn, ngoài ra các bên còn thỏa thuận khi chấm dứt hợp đồng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số công nợ còn lại tại thời điểm nguyên đơn bàn giao công tác bảo vệ cho bị đơn.

Căn cứ vào bản chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/01/2021 của Công ty B do Ngân hàng HDBank cung cấp thể hiện bị đơn thanh toán phí dịch vụ đến tháng 06/2020 cho nguyên đơn vào ngày 04/8/2020, sau đó ngưng không thanh toán; căn cứ vào biên bản thanh lý hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 26/8/2020 thì nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm theo hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ số 11/2019/HĐBV/BTL ngày 26/8/2019, đồng thời đã tiến hành bàn giao công tác bảo vệ cho bị đơn. Tại hợp đồng đã ký các bên thỏa thuận thanh toán phí dịch vụ bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trong quá trình Tòa giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa và cũng không cung cấp cho Tòa tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc đã thanh toán phí dịch vụ còn nợ cho nguyên đơn. Xét thấy, nghĩa vụ chứng minh việc đã thanh toán phí dịch vụ còn nợ là của bị đơn nhưng bị đơn không chứng minh được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ xét xử vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ phí dịch vụ tháng 7/2020 và 26 ngày của tháng 8/2020 là 28.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 85 Luật thương mại năm 2005 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn số tiền còn nợ nêu trên.

Về tiền lãi do chậm thanh toán: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 74, khoản 1 Điều 85, Điều 87 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là Công ty TNHH Q có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ của tháng 7/2020 và 26 ngày của tháng 8/2020 cho Công ty TNHH B tổng số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Q phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (ba triệu) đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (ba triệu) đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu số AA/2019/0027984 ngày 24/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên